

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/LĐ-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v Tranh chấp về việc yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Minh Tùng.
- Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST-LĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-LĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST-LĐ ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1979; nơi đăng ký thường trú: Ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Long An; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH G; địa chỉ trụ sở: Khu S, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông C1, Y-T, sinh năm 1977; địa chỉ liên lạc: Khu S, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương - là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bảo hiểm xã hội tỉnh L; địa chỉ trụ sở: Số H, tuyến tránh Quốc lộ A, Phường D, Thành phố T, tỉnh Long An; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Lý Thị Ngọc T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số F, đường số G, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị C và bà Lý Thị Ngọc T là cô cháu. Khoảng tháng 3 năm 2011, do bà T bị mất giấy tờ tùy thân nên bà C có cho bà T mượn chứng minh nhân dân để làm hồ sơ giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH G - Chi nhánh L (thời gian từ khoảng tháng 3/2011 đến tháng 6/2011), sau đó được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội với số bảo hiểm xã hội số 8011008577 mang tên Nguyễn Thị C. Trong khoảng thời gian đó, thực tế bà C đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn G1, với công việc là công nhân bộ phận dây chuyền và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội với số bảo hiểm xã hội số 4806011684.

Tháng 3/2024, bà Nguyễn Thị C làm thủ tục rút bảo hiểm một lần nhưng không được duyệt do tra trên hệ thống tồn tại hai số bảo hiểm xã hội số 8011008577 và 4806011684 đều mang tên Nguyễn Thị C. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị C và Công ty TNHH G, thời gian làm việc từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011 là vô hiệu do người ký kết hợp đồng không phải là bà C, yêu cầu điều chỉnh tên Nguyễn Thị C trên sổ Bảo hiểm xã hội số 8011008577 thành tên Lý Thị Ngọc T. Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại văn bản số 02.2024/CV-HX ngày 20/5/2024 và 04.2024/CV-HX ngày 21/6/2024, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Theo danh sách của công ty thì bà Nguyễn Thị C có làm việc tại Công ty TNHH G - Chi nhánh L, thời gian vào xưởng là ngày 15/02/2011, nghỉ việc ngày 30/6/2011. Như vậy tính đến thời điểm hiện nay, thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định của Bộ luật lao động. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện.

Tại văn bản số 1266/BHXXH-PQLT-ST ngày 31/5/2024, Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày:

Căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định:

Công ty TNHH G có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1979, số chứng minh nhân dân 300961028, với mã số BHXH 801100857 từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị C, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bảo hiểm xã hội tỉnh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Ngọc T trình bày:

Bà Nguyễn Thị C là cô của bà Lý Thị Ngọc T. Khoảng tháng 3/2011 do bà T mất giấy tờ tùy thân nên không thể ký kết hợp đồng lao động để đi làm, do đó bà T có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị C để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH G - Chi nhánh L, được Công ty tham gia BHXH số 801100857 (đứng tên sổ bà Nguyễn Thị C) nhưng thực tế bà T là người làm việc. Thời gian làm việc của bà T tại Công ty TNHH G - Chi nhánh L từ ngày tháng 3/2011 đến tháng 6/2011 thì nghỉ việc. Nay bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà C với Công ty TNHH G vô hiệu thì bà T đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện Công ty TNHH G, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.3] Bị đơn xác định hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH G và bà Nguyễn Thị C đã chấm dứt từ năm 2011. Căn cứ khoản 3 Điều 190 Bộ luật lao động 2019 quy định “Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm”. Do đó đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu, đình chỉ việc giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn. Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 154 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định như sau “Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự được tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”. Đối chiếu quy định nêu trên và các tài liệu thu thập được, có căn cứ xác định: tháng 3/2024, khi thực hiện thủ tục rút bảo hiểm một lần thì bà Nguyễn Thị C mới phát hiện việc trùng sổ bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu xác định thời hiệu để giải quyết vụ án. Do đó, yêu cầu của bị đơn không có cơ sở chấp nhận, Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết yêu cầu của bà C về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Nguyễn Thị C như sau:

Mã số bảo hiểm xã hội 8011008577 từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011 tại Công ty TNHH G.

Mã số bảo hiểm xã hội 4806011684 từ tháng 6/2006 đến nay tại Công ty trách nhiệm hữu hạn G1.

[2.2] Căn cứ dữ liệu bảo hiểm xã hội, có căn cứ xác định nguyên đơn và người lao động tên Nguyễn Thị C, sinh năm 1979, số chứng minh nhân dân 300961028, với mã số BHXH 801100857 từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011, có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội như trên là một người. Quá trình tổ tụng nguyên đơn thừa nhận không ký hợp đồng lao động và không làm việc tại Công ty TNHH G (cụ thể trong khoảng thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011) mà bà C cho cháu gái là bà Lý Thị Ngọc T mượn chứng minh nhân dân và thông tin để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH G, bà T thừa nhận do mất giấy tờ tùy thân nên có mượn chứng minh nhân dân của bà C để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G. Đồng thời, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011, bà C có tham gia BHXH tại Công ty trách nhiệm hữu hạn G1 bằng mã số BHXH 4806011684. Như vậy, có đủ cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011 bà Nguyễn Thị C làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn G1, không làm việc tại Công ty TNHH G. Việc bà Lý Thị Ngọc T sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà C để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc bà Nguyễn Thị C yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị C với Công ty TNHH G là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 228, 229, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, T phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về việc “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị C và Công ty Trách nhiệm hữu hạn G (thời gian làm việc từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2011) vô hiệu.

Điều chỉnh tên Nguyễn Thị C trên sổ Bảo hiểm xã hội số 8011008577 thành tên Lý Thị Ngọc T.

Bà Nguyễn Thị C, và Lý Thị Ngọc T được quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L để điều chỉnh thay đổi tên từ Nguyễn Thị C trên sổ BHXH số 8011008577 thành tên Lý Thị Ngọc T.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Bến Cát;
- Chi cục THADS Tp. Bến Cát;
- Các đương sự;

- Công Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Đạo